

Bản án số: 111/2018/KDTM-ST
Ngày 09 tháng 11 năm 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Kim Em;

2/ Ông Nguyễn Như Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 371/2017/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2018/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 09 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2018/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH A; Địa chỉ: số 52/10 đường B, Khu phố C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn K, sinh năm 1950.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1969;

2. Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1964.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 09/12/2016) (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH MTV T; Địa chỉ: số 1041/62/195 đường M, phường L, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: bà Ngô Ngọc Q, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty O; Địa chỉ: Số S18 đường G, Phường H, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Thanh H (Theo Văn bản ủy quyền số 02/2017/UQ ngày 25/5/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/05/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Công ty TNHH A trình bày:***

Ngày 24/12/2010, Công ty TNHH MTV T (viết tắt công ty T) và Công ty TNHH A (viết tắt công ty A) ký Hợp đồng thuê thiết bị (sà lan SG 0344) số 16/HĐTTB/2010, giá thuê là 100.000.000 đồng/tháng (Một trăm triệu đồng), thời gian thuê 03 tháng (tạm tính). Địa điểm giao phươg tiện tại cảng Kỳ Hà (tỉnh Quảng Nam); Địa điểm trả phươg tiện cho Công ty A tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện hợp đồng Công ty T đã trả trước 01 tháng đầu 100.000.000 đồng cho nguyên đơn. Do Công ty T không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên nguyên đơn phải thuê Công ty O kéo sà lan về Thành phố Hồ Chí Minh chi phí là 150.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu công ty T trả cho công ty A 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) tiền thuê sà lan, 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền thuê Công ty O kéo sà lan về, tiền lãi 14.500.00 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng tiền Công ty T trả cho công ty A là 1.404.500.000 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Tuy nhiên, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét buộc Công ty TNHH MTV T phải hoàn trả lại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền thuê Công ty O kéo sà lan về, tiền lãi 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) chỉ yêu cầu yêu cầu công ty T trả cho công ty A 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) tiền thuê sà lan.

**** Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH MTV T có bà Ngô Ngọc Quý - Đại diện theo pháp luật trình bày:***

Ngày 24/12/2010, bà đại diện cho Công ty TNHH MTV T ký hợp đồng thuê sà lan của Công ty A, giá thuê là 100.000.000 đồng/tháng (Một trăm triệu đồng), thời gian thuê 03 tháng và bà đã trả trước 01 tháng đầu. Khi nhận thì sà lan bị hỏng,

bà phải sửa chữa hết 10 ngày, đến ngày 07/01/2011 bà mới chính thức đưa sà lan vào hoạt động, 20 ngày sau do chủ công trình không thuê công ty bà nữa nên bà có gặp ông Kinh - đại diện công ty A trình bày về việc trả sà lan, ông Kinh đã đồng ý miệng với bà là bà sẽ kéo sà lan về bãi cạn Cảng Kỳ Hà. Sau đó bà phát hiện công ty A đã bán sà lan cho công ty Đại Cát Lượng tại Cảng Kỳ Hà vào ngày 03/02/2012, vì vậy bà không có trách nhiệm phải dắt sà lan về Sài Gòn. Bà yêu cầu bác đơn khởi kiện của Công ty A.

**** Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lý Thanh Hùng đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty O trình bày:***

Ngày 28 tháng 12 năm 2012 Công ty O có ký kết hợp đồng thỏa thuận số 2802-2012/HĐVC với Công ty TNHH A về việc lai dắt sà lan SG 0344 từ cảng Kỳ Hà (tỉnh Quảng Nam) về Thành phố Hồ Chí Minh

Đến ngày 29/02/2012 tàu của Công ty O đến nơi và lập biên bản bàn giao sà lan vào lúc 07 giờ cùng ngày tại bến Kỳ Hà tỉnh Quảng Nam;

Theo thỏa thuận ngày 06/3/2012 tàu của Công ty O kéo lai dắt sà lan an toàn và Công ty TNHH A đã thanh toán đủ số tiền 150.000.000 đồng. Hai bên đã thực hiện xong công việc và chấm dứt hợp đồng 2802-2012/HĐVC ngày 28/12/2012

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung Nghĩa trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền thuê sà lan là 200.000.000 đồng. Đồng thời, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét buộc Công ty TNHH MTV T phải hoàn trả lại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền thuê Công ty O kéo sà lan về, tiền lãi 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng), tiền thuê ngoài hợp đồng 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

***Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thẩm quyền:

“Hợp đồng thuê thiết bị số 10/HĐTTB/2010 ngày 24 tháng 12 năm 2010 nguyên đơn và bị đơn ký kết và thực hiện vì vậy đây là loại vụ kiện kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”.

Xét tại khoản 3 Điều 4 Luật thương mại năm 2005 quy định: Áp dụng Luật thương mại và pháp luật có liên quan: “Hoạt động thương mại không được quy định trong Luật thương mại và trong các luật khác thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự”. Việc cho thuê sà lan của Công ty A không được quy định cụ thể trong Luật thương mại 2005 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định Bộ luật dân sự để xem xét hình thức, nội dung của các chứng cứ liên quan.

Tại thời điểm thụ lý cũng như hiện nay bị đơn còn đăng ký kinh doanh tại Quận 7 nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 – Thành

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, xác nhận của bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ như: “Hợp đồng thuê thiết bị” số 10/HĐTTB/2010 ngày 24 tháng 12 năm 2010; Biên bản bàn giao phương tiện ngày 27 tháng 12 năm 2010; Các công văn số 08/CV/2012 ngày 03 tháng 04 năm 2012; Công văn số 35/CV/2011 ngày 31 tháng 12 năm 2011; Thông báo ngày 27 tháng 02 năm 2012 đã đủ cơ sở xác định: ngày 24 tháng 12 năm 2010 Công ty A có cho Công ty T thuê sà lan chở bùn số SG 0344 để phục vụ thi công công trình cảng Kỳ Hà, giá thuê 100.000.000 đồng/ tháng (Một trăm triệu đồng), thời hạn thuê 03 tháng. Hợp đồng được 2 công ty ký và đóng dấu thực hiện đúng quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 480 Bộ luật dân sự. Vì vậy hợp đồng có hiệu lực để buộc các bên phải thi hành theo điều đã thực hiện.

Thực hiện hợp đồng Công ty A đã giao sà lan cho Công ty T. Xét tại biên bản bàn giao phương tiện sà lan SG 0344 có bị hư hỏng nhiều chỗ.

[4] Tại biên bản khai ngày 30 tháng 06 năm 2017 bị đơn cho rằng bị đơn phải bỏ tiền ra sửa chữa thì mới vận hành sà lan, tuy nhiên bị đơn không xuất trình được căn cứ chứng minh số tiền đã sửa chữa, cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Tại tòa nguyên đơn xác định đã giao phương tiện cho bên bị đơn sử dụng từ ngày 27 tháng 12 năm 2010 đến ngày 28 tháng 02 năm 2012 mới đăng ký hợp

đồng thỏa thuận với Công ty O để công ty lai dắt sà lan SG 0344 từ cảng biển Kỳ Hà – Quảng Nam về Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó bị đơn phải trả tiền thuê trong suốt 14 tháng đã sử dụng là từ ngày 27 tháng 12 năm 2010 đến ngày 27 tháng 02 năm 2012 Công ty T đã trả 01 tháng hiện yêu cầu trả số tiền 02 tháng còn lại là 200.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

[5] Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ khoản 2 Điều 1 hợp đồng thuê thiết bị ngày 24 tháng 12 năm 2010 thì thời gian thuê 03 tháng và tại Điều 2 hợp đồng có ghi “ngày 20 hằng tháng bên A sẽ thanh toán số tiền thuê hàng tháng cho bên B. Nếu không đúng bên B có quyền ngưng hợp đồng và kéo sà lan về”.

Tại tòa nguyên đơn xác nhận hết thời hạn thuê 03 tháng hai bên không làm hợp đồng gia hạn, cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh bên Công ty T đồng ý thuê thêm. Mặt khác tại Tòa án nguyên đơn xác nhận bị đơn chỉ trả được 01 tháng tiền thuê sà lan sau đó không trả. Căn cứ theo Điều 2 của Hợp đồng thì nguyên đơn có quyền kéo sà lan về và đơn phương chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên nguyên đơn đã không thực hiện theo hợp đồng mà mặc nhiên để sà lan tại cảng Kỳ Hà là lỗi của nguyên đơn do đó với yêu cầu của bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền thuê là có cơ sở. Trách nhiệm của bị đơn phải trả trong thời hạn 03 tháng tiền thuê. Bị đơn đã trả 01 tháng thì bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả 02 tháng còn lại là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

[6] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái đường lối, chính sách pháp luật của nhà nước nên cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn có nghĩa vụ trả 02 tháng tiền thuê sà lan cho nguyên đơn nên bị đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011;

- Căn cứ các điều Điều 122, 124, 480 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 4, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH A

1/ Buộc Công ty TNHH MTV T trả tiền thuê sà lang cho Công ty TNHH A là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp Công ty TNHH MTV T chậm thi hành khoản tiền trên thì Công ty TNHH MTV T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A về việc: không yêu cầu Tòa án xem xét buộc Công ty TNHH MTV T phải hoàn trả lại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền thuê Công ty O kéo sà lan về, tiền lãi 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng), tiền thuê ngoài hợp đồng 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.000.000 đồng

Công ty TNHH A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 29.967.500 đồng theo biên lai thu số AA/2012/07151 ngày 11/11/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục THA Dân sự Q7;
- Mỗi đương sự
- Lưu, hồ sơ (X.Duyên).

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Hữu Đức